



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 030264

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUNG Last HUU Middle NGUYEN First

Current Address: 194/50/2 D. Bui Dinh Binh Thanh TP. Ho Chi Minh VN

Date of Birth: May 30, 1938 Place of Birth: HANOI

Previous Occupation (before 1975) Captain J2 Joint General Staff
(Rank & Position) Republic VN Army

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 16 - 1975 To January 21 - 1982
Years: 6 Months: 7 Days: 21

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)
Name

Address and telephone number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)</u>	<u>SISTER</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Dec 9 - 1984

1

[illegible]

DEFENDANT'S ADDRESS : (if different from above)

1944/50/2D Bach Dang St. Binh Thuan
Hoi An Binh City VN

ADDITIONAL INFORMATION :

Santa Rosa, CA 1/04/90

Kính gửi Ông, Bà...

Tôi xin được gửi kèm theo đây 2 mẫu đơn (mỗi thẻ 2 bên
như đã được biết ở tài liệu của quý Hội).

Xin quý vị vui lòng dành cho chút thời giờ xem qua và nếu
thấy cần phải gửi bổ túc thêm những giấy tờ gì thì vui lòng
cho chúng tôi biết ở địa chỉ Mrs NGA GRIFFIN.

Trân trọng cảm ơn nhiều.

Nga

13542

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại Hồ Tây

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 41 GRT

0 0 0 1 7 7 1 3 6 9 2

SMSLQ

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 89

Tm/U.B.N.C. Phường 24



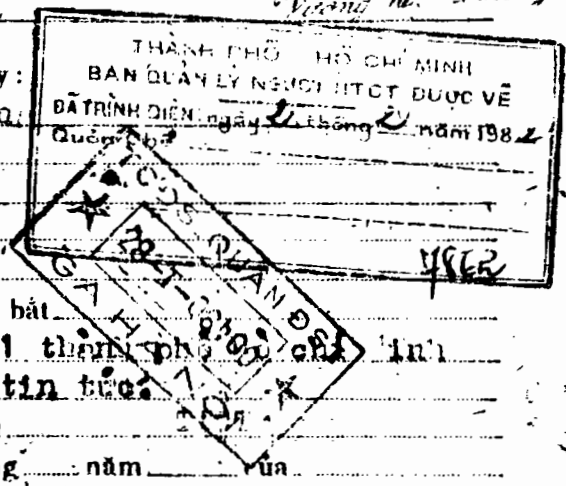
HU LỆ PHÍ

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an. Thi hành án văn, quyết định tha số 154 ngày 21 tháng 1 năm 1982 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây: Họ, tên khai sinh Nguyễn Hữu Dung. Họ, tên thường gọi út. Họ, tên bí danh. Sinh ngày tháng năm 1938. Nơi sinh 1- (ở nội). Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt 52/313 Nguyễn bình Khiêm quận 1 thành phố Hồ Chí Minh. Can tội Đợi ủy sĩ quân chỉ chấp tin tức. Bị bắt ngày 16/1/75. Án phạt Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của Bộ nội vụ.

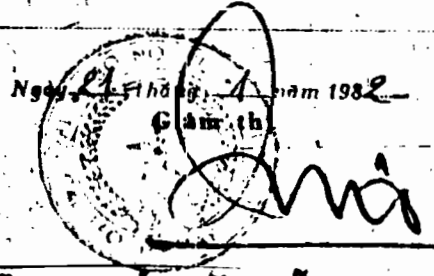


Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng. Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng. Nay về cư trú tại 124/50/2D Bạch Đằng, Gia định thành phố Hồ Chí Minh. Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã nhận rõ tội lỗi của bản thân gây ra, chưa thấy có biểu hiện gì xấu. Lao động thêm gia cố hoàn thành công việc được giao. Học tập sinh hoạt: Chủ ý nghe giảng, biết liên hệ với bản thân và tiếp thu bài tốt. Mọi quy kỷ luật chưa có sai phạm gì lớn. Đáp loại cải tạo trung bình.

Lưu tay ngón trái phải. Của Nguyễn Hữu Dung. Danh bản số 6114. Lập tại

Họ, tên, chữ ký người được cấp giấy



Nguyễn Hữu Dung

Trung tá: Nguyễn Văn 46



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 030264

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUNG HUU NGUYEN
Last Middle First

Current Address: 194/50/2 D Bach Dang Binh Thanh TP Ho Chi Minh VN

Date of Birth: May 30, 1938 Place of Birth: HANOI

Previous Occupation (before 1975) Captain J2 Joint General Staff
(Rank & Position) Republic VN Army

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 16, 1975 To January 21, 1982
Years: 6 Months: 7 Days: 21

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)</u>	<u>SISTER</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Dec 9 - 1989

LISTED BY NAME

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

194/50/2D Bach Dang St. Binh Thanh
Ho Chi Minh City VN

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU DUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) 5 Day (Ngay) 30 Year (Nam) 1938

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : Co
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh TP Ho Chi Minh VN
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 16/5/1975 To (Den): 21/1/1982

PLACE OF RE-EDUCATION: 1975 Trại Vĩnh Mân - 1976 Trại Tân Hiệp (Biên Hòa) - 1977 Trại Yên Bái -
CAMP (Trai tu) 1978 Trại Lao Kuy - 1979 đến 1982 Trại Tân Lập Vĩnh Phú - 1982 Trại Hòa Tây

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Du hoc tai Singapore 2-1970

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Tiểu Ban Quân Báo
Phong Nhi Bộ Tổng Tham Mưu Từ 1966 đến 1975 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co) : Co

IV Number (So ho so): 030264

No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh
TP Ho Chi Minh VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co) : Co No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): EM

NAME & SIGNATURE: NGUYEN HUU DUNG 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh TP Ho Chi Minh VN

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: _____

Month (Thang) 12 Day (Ngay) 7 Year (Nam) 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU DUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI BICH DUNG	Nov 20, 1972	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

14H/50/20 Ba Dinh District Hanoi
Hochiminh City VN

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU DUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) 5 Day (Ngay) 30 Year (Nam) 1938

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Co
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh TP Ho Chi Minh VN
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 16/5/1975 To (Den): 21/1/1982

PLACE OF RE-EDUCATION: 1975 Trại Học Môn - 1976 Trại Tân Hiệp (Biên Hòa) - 1977 Trại Yên Bái -
CAMP (Trại tu) 1978 Trại 1 Lào Kay - 1979 đến 1982 Trại Tân Lập Vĩnh Phú - 1982 Trại Hà Tây

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Du hoc tại Singapore 2.1970

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Sĩ quan Tin tức Quân Báo
Phòng Nhị Bộ Tổng Tham Mưu Từ 1966 đến 1975 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Co

IV Number (So ho so): 030264

No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh
TP Ho Chi Minh VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THI NGOC NGA (GINA NGA GRIFFIN)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Co No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): EM

NAME & SIGNATURE: NGUYEN HUU DUNG 194/50/2D Bach Dang Binh Thanh

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) TP Ho Chi Minh VN

DATE: 12 9 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU DUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN TH. BICH DUNG	Nov 20, 1972	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

194/50/2D Khuê Dương Bình Thành
TP Hồ Chí Minh VN

6. ADDITIONAL INFORMATION :

From: Mrs Nger Griffin

JAN 16 1990

FIRST CLASS

To: FAMILIES of VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635